TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26- 8- 2021.
V/v: Ly hôn,nuôi con chung, tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Tòng Văn Quân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Hoàng Quang Trung
2. bà Bùi Minh Nguyệt

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Hờ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chảitham gia phiên toà*:** bà Vừ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/ TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị Thào Thị D, sinh năm 1992; Trú tại: bản N, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Giàng A S, sinh năm 1992; Trú tại: bản N, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Hiện đang chấp hành án Trại giam Yên Hạ, Cục 10 Bộ Công an; Địa chỉ: Xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người phiên dịch: ông Thào A Dờ; trú tại: tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/5/2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án chị Thào Thị D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh Giàng A S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 05/9/2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian

chung sống anh S thường đi chơi bời, không chịu khó làm ăn, khi chị D góp ý, nhắc nhở thì anh S lại đánh chị D, đã có lần anh S đã đưa chị D trả về nhà ngoại không lấy làm vợ nữa, nhưng sau đó lại đón về; đến năm 2016 anh S phạm tội mua bán người, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử với mức án 15 năm tù giam, hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Yên Hạ,Cục 10, Bộ Công an; năm 2018 chị D và con ra ở riêng, bố mẹ chồng có chia một ít ruộng nương để canh tác, làm ăn tuy nhiên đến cuối năm 2020 bố mẹ chồng và các em đã lấy lại canh tác, chị D có nói với anh S nhưng anh sao không quan tâm. Nay chị cảm thấy không còn tình cảm với anh S, mục đích hôn nhân không đạt được, sống với nhau không có hạnh phúc. Do vậy chị D đã làm đơn đề nghị Tòa án huyện Mù Cang Chải giải quyết để được ly hôn với anh Giàng A S.

- *Về con chung:* Có 01 con chung là Giàng Minh T sinh ngày 24/3/2012, hiện đang ở cùng với chị D tại nơi cư trú. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản gồm có:

+ 01 ngôi nhà gỗ 02 giam, lịa ván gỗ, lập Prô xi măng, diện tích 60 m2 (chiều dài 10 m, chiều rộng 06 m); địa chỉ: bản Nận Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc là do bố mẹ chị D và các cậu dựng cho.

+ 01 mảnh nương ngô, mỗi năm thu được khoản 8-10 bao/năm; địa chỉ: bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nguồn gốc là do bố mẹ chị D cho tiền để mua.

+ 03 mảnh nương thảo quả: mảnh thứ nhất khoảng 200 gốc ở bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt; nguồn gốc vợ chồng tự phát, bố mẹ cho giống để trồng; 02 mảnh còn lại có một mảnh khoảng 100 gốc, một mảnh khoảng 200 gốc, có địa chỉ bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, nguồn gốc là bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống để vợ chồng chị D đi trồng.

+ 01 chiếc xe máy HONDA loại nữ, đã qua sử dụng;

Ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết để chị D được sở hữu, sử dụng: 01 ngôi nhà (do bố mẹ và các cậu dựng hộ trên nền đất của gia đình nhà chồng (anh S); 01 mảnh nương ngô; 02 mảnh nương thảo quả có địa chỉ ở bản Hua khắt, xã Nậm Khắt. Anh S được sở hữu, sử dụng khai thác mảnh nương thảo quả 200 gốc ở bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt.

Ngoài ra chị Dùa còn trình bày trong thời gian anh S đi chấp hành án, chị D ra ở riêng, bố mẹ chồng có chia ruộng, nương cho vợ chồng chị D, nhưng nay ly hôn Chị D không đề nghị chia số tài sản đó mà để lại cho anh S cũng như anh em bên nhà chồng.

** Tại bản tự khai ngày 27/7/2021 anh Giàng A S trình bày:* anh S thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như chị D trình bày. Tuy nhiên những

mâu thuẫn giữa chị D và anh S là do bất đồng quan điểm sống, chưa tìm được tiếng nói chung, anh S vẫn còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn; về con chung anh S không nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị Tòa án giải quyết để cho bố mẹ chồng nuôi dưỡng; về tài sản chung anh S đề nghị Tòa án giải quyết để được sở hữu, sử dụng 03 mảnh nương thảo quả; 01 chiếc xe máy HONDA loại nữ, đã qua sử dụng; còn toàn bộ số tài sản còn lại để cho chị D sở hữu, sử dụng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2021 đối với cháu Giàng Minh T thể hiện:* Khi cháu T còn nhỏ chưa biết gì thì anh S đã đi chấp hành án, nay nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Tcó nguyện vọng được ở với mẹ, vì được mẹ chăm sóc từ nhỏ, bố hiện giờ đang chấp hành án nên không thể chăm lo cho cháu T được.

** Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2021:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung giống như chị D đã trình bày. Tuy nhiên qua xem xét thẩm định thì tài sản chung thể hiện cụ thể như sau:

- 01 ngôi nhà ở, 02 gian, lịa ván gỗ, lập Prô xi măng diện tích 60 m2 (chiều dài 10 m, chiều rộng 06 m); địa chỉ: bản Nận Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc là do bố mẹ ngoại và các cậu dựng cho.

- 01 mảnh nương gô, có tổng diện tích 1.160 m2 xung quanh giáp với đất ruộng và đất trồng ngô hộ ông Giàng A Mảnh, giáp đường đất 03 m và đất bỏ hoang; địa chỉ: bản Nận Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nguồn gốc là do bố mẹ chị D cho.

- 01 chiếc xe máy HONDA loại nữ, đã qua sử dụng;

- 03 mảnh nương thảo quả:

+ Mảnh thứ nhất: có khoảng 200 gốc; địa chỉ: bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; được trồng trong đất rừng phòng hộ; nguồn gốc vợ chồng tự phát, bố mẹ cho giống để trồng;

+ Mảnh thứ hai: có khoảng 100 gốc; địa chỉ: bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; trồng trong đất rừng phòng hộ; xung quanh làm có giáp với đất thảo quả của hộ ông Thào A Nhà, bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt; nguồn gốc bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống, vợ chồng chị D đi trồng.

+ Mảnh thứ ba: có khoảng 200 gốc; địa chỉ: bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống, vợ chồng chị D đi trồng, sung quanh là rừng rậm.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thào Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn

vắng mặt có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh S; giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giải quyết tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Giàng A S đang chấp hành án, không thể tham gia phiên tòa và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Giàng A S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 05/9/2012 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Nay chị D đề nghị ly hôn, anh S không nhất trí. Tuy nhiên xét thấy trong thời gian chung sống chị D và anh S đã có nhiều mâu thuẫn, anh S cũng đã thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, bản thân thực hiện hành vi vi phạm phát luật, phải chấp hành án với mức án 15 năm tù về tội mua bán người và mua bán trẻ em, khiến cho Chị D và anh S phải sống ly thân. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D làm đơn yêu cầu để nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh S là có cơ sở cần được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Thào Thị D và anh Giàng A S không thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung. Do anh S đang chấp hành án, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung; bản thân cháu Tiến cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó cần giao cho chị Thào Thị D trực tiếp nuôi cháu Giàng Minh T sinh ngày 24/3/2012, để bảo đảm cho cháu được học tập, phát triển về thể chất và tinh thần. Anh Giàng A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Thào Thị D và anh Giàng A S không thống nhất được với nhau, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản và nợ chung như sau:

* Chị Thào Thị D được sở hữu, sử dung tài sản gồm:

+ 01 ngôi nhà ở, 02 gian, lịa ván gỗ, lập Prô xi măng diện tích 60 m2 (chiều dài 10 m, chiều rộng 06 m) địa chỉ: bản Nận Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc là do bố mẹ ngoại và các cậu dựng cho.

+ 01 mảnh nương ngô, có tổng diện tích 1.160 m2; xung quanh giáp với đất ruộng và đất trồng ngô hộ ông Giàng A Mảnh, giáp đường đất 03m và đất bỏ hoang; địa chỉ: bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nguồn gốc là do bố mẹ chị D cho *(Có sơ đồ kèm theo)*.

+ 02 mảnh nương thảo quả:

Mảnh thứ hai*:* có khoảng 100 gốc; địa chỉ: bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; trồng trong đất rừng phòng hộ; xung quanh giáp với đất thảo quả của hộ ông Thào A Nhà, bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt; nguồn gốc bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống, vợ chồng chị D đi trồng.

Mảnh thứ ba: có khoảng 200 gốc; địa chỉ: bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống, vợ chồng chị D đi trồng.

* Anh Giàng A S được sở hữu, sử dung tài sản gồm:

- 01 mảnh đất diện tích 60 m2 đất thổ cư (đất nền nhà) tại bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- 01 mảnh nương thảo quả thứ nhất: có khoảng 200 gốc; địa chỉ: bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; được trồng trong đất rừng phòng hộ; nguồn gốc vợ chồng tự phát, bố mẹ chị Dùa cho giống để trồng;

- 01 chiếc xe máy HONDA loại nữ, đã qua sử dụng;

- Toàn bộ tài sản bố mẹ chồng chia gồm: Ruộng, nương cho vợ chồng chị Dùa, nhưng nay ly hôn Chị D không đề nghị chia số tài sản đó mà để lại cho anh S cũng như anh em bên nhà chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng Chị D là người có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo dựng khối tài sản chung; nay chị D chỉ yêu cầu những tài sản chung do hai vợ chồng tạo dựng và có được do bố mẹ đẻ tặng cho và cùng tạo dựng. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị D yêu cầu được hưởng phần nhiều hơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của của pháp luật, cũng như bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ en chưa thành niên..

[5] Về án phí: Đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Điều 28, 35, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Thào Thị D được ly hôn với anh Giàng A S.

2. Về con chung: chị Thào Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Minh T sinh ngày 24/3/2012; anh Giàng A S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

* Chị Thào Thị D được sở hữu, sử dung tài sản gồm:

+ 01 ngôi nhà gỗ 02 gian, lịa ván gỗ, lập Prô xi măng diện tích 60 m2 (chiều dài 10 m, chiều rộng 06 m) địa chỉ: bản Nận Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc là do bố mẹ ngoại và các cậu dựng cho.

+ 01 mảnh nương ngô, có tổng diện tích 1.160 m2; xung quanh giáp với đất ruộng và đất trồng ngô hộ ông Giàng A Mảnh, giáp đường đất 03m và đất bỏ hoang; địa chỉ: bản Nận Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nguồn gốc là do bố mẹ chị D cho *(Có sơ đồ kèm theo)*.

+ 02 mảnh nương thảo quả:

Mảnh thứ hai*:* có khoảng 100 gốc; địa chỉ: bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; trồng trong đất rừng phòng hộ; xung quanh làm có giáp với đất thảo quả của hộ ông Thào A Nhà, bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt; nguồn gốc bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống, vợ chồng chị D đi trồng.

Mảnh thứ ba: có khoảng 200 gốc; địa chỉ: bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; nguồn gốc bố mẹ ngoại phát cỏ, cho giống, vợ chồng chị Dđi trồng.

* Anh Giàng A Sào được sở hữu, sử dung tài sản gồm:

- 01 mảnh đất diện tích 60 m2 đất thổ cư (đất nền nhà) tại bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- 01 mảnh nương thảo quả thứ nhất: có khoảng 200 gốc; địa chỉ: bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; được trồng trong đất rừng phòng hộ; nguồn gốc vợ chồng tự phát, bố mẹ chị D cho giống để trồng;

- 01 chiếc xe máy HONDA loại nữ, đã qua sử dụng;

- Toàn bộ tài sản bố mẹ chồng chia gồm: Ruộng, nương cho vợ chồng chị Dùa, nhưng nay ly hôn Chị D không đề nghị chia số tài sản đó mà để lại cho anh S cũng như anh em bên nhà chồng.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thào Thị D.

5. Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(Đã ký)

Tòng Văn Quân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Nậm Khắt; huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.